TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thành

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành , tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng – kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án đưa vụ án ra xét xử số:90/2020/QĐXX – ST ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị G, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp C, xã Q, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Bị đơn: Anh Điểu C, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp C, xã Q, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Điểu C chung sống năm 2008, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Q), huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, việc kết hôn do hai người tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Điểu C thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay Chị G và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm, qua lại với nhau. Nay Chị Gnhận thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đươc nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn với anh Điểu C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống Chị G và anh C có hai con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014, khi ly hôn Chị Gyêu cầu Tòa án giao 02 con chung Điểu Thị Bích T và Điểu Quốc T1 cho Chị G được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày có bản án, quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị G khai không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2020, bị đơn anh Điểu C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Thị G qua thời gian tìm hiểu đã kết hôn năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Q), huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó Chị G ngoại tình, anh C và Chị G đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Nay Chị G yêu cầu được thì hôn thì anh C đồng ý ly hôn với chị Giang.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và chị Thị G có 02 con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014, khi ly hôn anh C đồng ý giao 02 con chung Điểu Thị Bích T và Điểu Quốc T1 cho Chị G được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Điểu C đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh C và không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào.

Bị đơn anh C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng sự.

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn chị Giang: Cho chị G được ly hôn với anh Cu; Giao hai con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014 chi Chị G trực tiếp nuôi dưỡng và anh C phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị G và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp ly hôn"*; bị đơn anh Ccó nơi cư trú tại ấp C, xã Q, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Điểu C chung sống năm 2008, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Q), huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, không cùng nhau chăm lo cho gia đình. Từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay Chị Gvà anh Cđã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập Chị Gvà anh Cđến Tòa án để làm việc, hòa giải, động viên, thuyết phục Chị Gvà anh Cđoàn tụ vợ chồng nhưng Chị Gvà anh Cvẫn cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Gvà anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Ccủa Chị Glà có cơ sở và anh Ccũng đồng ý ly hôn với Chị Gnên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống Chị G và anh C có 02 con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014, Chị Gyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và anh Ccũng đồng ý giao 02 con chung tên Điểu Thị Bích T và Điểu Quốc T1 cho Chị G nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G yêu cầu anh Điểu C cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày có bản án, quyết định của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh C cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Điểu Thị Bích T và Điểu Quốc T1 như yêu cầu của Chị Gnên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4].Về tài sản chung: Chị G và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5]. Về nợ chung: Chị G và anh C khai không vay nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Do chị G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Điểu C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 228; 266; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân*:* Cho chị Thị G được ly hôn với anh anh Điểu C.

- Về con chung*:* Giao hai con chung 02 con chung tên Điểu Thị Bích T và Điểu Quốc T1 cho Chị G được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Điểu C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Điểu Thị Bích T, sinh ngày 04/12/2008 và Điểu Quốc T1, sinh ngày 17/11/2014 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng trên mỗi con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Điểu Thị Bích T và Điểu Quốc T1 đủ 18 tuổi.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị G phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004445, quyển số: 0089, ngày 07/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Anh Điểu C phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quốc Mạnh